TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C,** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/DS-ST
Ngày: 17-11-2022
V/v tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hà Thị Mai Loan;
2. Ông Trần Văn Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thơ– Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2022 về "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Ngọc T, sinh năm: 1939, cư trú: Ấp Tân Thanh A, xã P , huyện C, tỉnh L .(vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông T : Ông V, sinh năm: 1980, cư trú: Khu phố Hòa Thuận 1, thị trấn Cần Giuộc, huyện C, tỉnh L . (văn bản ủy quyền ngày 23/6/2021) (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Hoàng Mỹ, sinh năm: 1967, cư trú: Ấp Tân Thanh A, xã P , huyện C, tỉnh L . (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/12/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Ông Lê Ngọc T do Ông V đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn cứ vào bản án số 110/2020/DS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện C và Bản án số 99/2021/DS-PT ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L thì ông Lê H được giao quản lý phần đất có diện tích 350.5m^2 thuộc một phần thửa đất số 162, tờ bản đồ số 6, tại xã P , huyện C, tỉnh L (vị trí đất được ký hiệu là A theo Mảnh trích đo địa chính ngày 03/9/2020 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa lập) mà ông T được hưởng thừa kế từ ông Lê Văn M

nhưng ông T chưa có yêu cầu chia trong vụ án đó. Nay Ông Lê Ngọc T yêu cầu Tòa án chia cho ông T diện tích nêu trên. Nếu đất không đủ diện tích tối thiểu tách thửa thì ông T yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất.

Về nguồn gốc: Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1927 (chết năm 2004) và ông Lê Văn M sinh năm: 1915 (chết năm 2015) là vợ chồng. Trước khi Bà Tvà ông M chung sống thì Bà Tcó 01 người con riêng là Nguyễn Thị Ngọc Liên, ông M có người con riêng là Lê Ngọc T . Bà Tvà ông M có tất cả 06 người con chung gồm: Lê Ngọc Côn, (đã chết năm 2007, có thừa kế thế vị là Lê Võ Minh T, Lê Võ Song T, Lê Võ Minh T), Lê Thị P, Lê Thị T, Lê Hoàng V, Lê Thị C, Lê Hoàng M. Bà Thu, ông M không còn con riêng hay con nuôi nào khác, cha mẹ bà Thu, ông M đã chết.

Ông Lê Ngọc T được nhận 350.5m^2 nhưng trong Bản án số 99/2021/DS-PT ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L thì ông T không có đơn khởi kiện do ông T không biết nên tạm giao cho ông M quản lý đối với phần diện tích 350.5m^2 của ông T Mảnh trích đo địa chính ngày 03/9/2020 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa lập lập. Nay ông T khởi kiện trong vụ án này. Ông T thống nhất với Mảnh trích đo địa chính ngày 03/9/2020 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa lập).

Tại phiên tòa, ông V trình bày: Ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Ông yêu cầu được chia giá trị quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 350.5m^2 thuộc một phần thửa đất số 162, tờ bản đồ số 6, tại xã P , huyện C, tỉnh L . Ông Lê H cho rằng giá trị tương ứng với diện tích 350.5m^2 thuộc một phần thửa đất 162, tờ bản đồ số 6, loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã P , huyện C, tỉnh L với số tiền là 1.082.923.727 đồng, ông M đề nghị chia đôi, ông M và ông T , mỗi người hưởng ½ giá trị vì ông M có công thờ cúng cha mẹ sau khi chết và công sức quản lý phần diện tích đất nêu trên từ khi Tòa án giao đến thời điểm hiện nay thì Ông Lê Ngọc T không đồng ý. Bởi vì việc thờ cúng cha mẹ sau khi chết đã được Bản án số 99/2021/DS-PT ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L giải quyết; về chi phí quản lý phần diện tích đất thì đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định pháp luật giải quyết. Diện tích 350.5m^2 thuộc một phần thửa đất 162, tờ bản đồ số 6, loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã P , huyện C, tỉnh L đã để trống.

Bị đơn ông Lê H trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Bà Phạm Thị Thu, sinh năm: 1927 (chết năm 2004) và ông Lê Văn Mão sinh năm: 1915 (chết năm 2015) là vợ chồng. Trước khi Bà Tvà ông M chung sống thì Bà Tcó 01 người con riêng là Nguyễn Thị Ngọc Liên, ông M có người con riêng là Lê Ngọc T . Bà T và ông M có tất cả 06 người con chung gồm: Lê Ngọc Côn, (đã chết năm 2007, có thừa kế thế vị là Lê Võ Minh T, Lê Võ Song T, Lê Võ Minh T), Lê Thị P, Lê Thị T, Lê Hoàng V, Lê Thị C, Lê Hoàng M. bà T, ông M không còn con riêng hay con nuôi nào khác, cha mẹ bà Thu, ông M đã chết.

Qua yêu cầu khởi kiện của ông T là ông Lê H không đồng ý. Trong quá trình giải quyết vụ án theo bản án số 110/2020/DS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, ông T không tham gia. Bản án số 99/2021/DS-PT ngày

26/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L trích cho Ông Lê Ngọc T một phần di sản là không phù hợp. Nguồn gốc phần đất mà ông T yêu cầu chia là di sản của Bà Tđể lại chứ không phải là di sản của ông M để lại. Ông M thống nhất với Mảnh trích đo địa chính ngày 03/9/2020 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa lập, không đồng ý với đơn giá đất mới mà đồng ý với đơn giá 2.744.215 đồng/m^2 theo Chứng thư thẩm định giá ngày 23/3/2021. Do nguồn gốc phần đất là theo luật người cày có ruộng, mẹ ông M mướn đất làm, sau đó đứng tên. Nếu theo di chúc của mẹ ông M để lại thì ông T không thuộc diện được chia di sản. Từ khi được Tòa án có thẩm quyền tạm giao quản lý phần diện tích 350.5m^2 thì phần đất để trống, phần diện tích đào ao để nuôi tôm đã có từ trước khi tranh chấp, ông Lê Hkhông có ý kiến gì về chi phí đào ao. Ông đề nghị chi phí tố tụng và án phí thì ông không đồng ý chịu.

Tại phiên tòa, ông Lê H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ông Lê Ngọc T. Ông Lê H cho rằng giá trị tương ứng với diện tích 350.5m^2 thuộc một phần thửa đất 162, tờ bản đồ số 6, loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã P , huyện C, tỉnh L với số tiền là 1.082.923.727 đồng, ông M đề nghị chia đôi, ông M và ông T , mỗi người hưởng ½ giá trị vì ông M có công thờ cúng cha mẹ sau khi chết và công sức quản lý phần diện tích đất nêu trên từ khi Tòa án giao đến thời điểm hiện nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Lê Ngọc T đối với ông Lê H liên quan đến thửa đất 162, tờ bản đồ số 6, loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã P , huyện C, tỉnh L . Ông Lê Ngọc T được chia giá trị tương ứng với diện tích 350.5m^2 thuộc một phần thửa đất 162, tờ bản đồ số 6, loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã P , huyện C, tỉnh L với số tiền là 1.082.923.727 đồng. Ông Lê H có trách nhiệm chia cho Ông Lê Ngọc T số tiền 1.082.923.727 đồng. Ông Lê H được quyền sử dụng diện tích 350.5m^2 một phần thửa đất 162, tờ bản đồ số 6, loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã P , huyện C, tỉnh L của Ông Lê Ngọc T (vị trí phần đất được ký hiệu là A của Mảnh trích đo địa chính ngày 03/9/2020 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa lập.

Buộc Ông Lê Ngọc T có trách nhiệm trả cho ông Lê H chi phí công sức quản lý hợp lý diện tích 350.5m^2 thuộc một phần thửa đất 162, tờ bản đồ số 6, loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã P , huyện C, tỉnh L .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với bị đơn; phần đất tranh chấp tại xã P , huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện C theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a, c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với người thừa kế khác của Bà T và ông T đã được Bản án số 99/2021/DS-PT ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L xác định kỷ phần cụ thể nên Hội đồng xét xử không đưa những người này tham gia tố tụng trong vụ án này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bản án số 99/2021/DS-PT ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L đang có hiệu lực. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án này để làm căn cứ giải quyết vụ án tranh chấp yêu cầu chia thừa kế giữa Ông Lê Ngọc T và ông Lê H theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Phạm Thị Thu, sinh năm: 1927 (chết năm 2004) và ông Lê Văn M sinh năm: 1915 (chết năm 2015) là vợ chồng. Trước khi Bà T và ông M chung sống thì Bà Tcó 01 người con riêng là Nguyễn Thị Ngọc L, ông M có người con riêng là Lê Ngọc T . Bà Tvà ông M có tất cả 06 người con chung gồm: Lê Ngọc C, (đã chết năm 2007, có thừa kế thế vị là Lê Võ Minh T, Lê Võ Song T, Lê Võ Minh T), Lê Thị P, Lê Thị T, Lê Hoàng V, Lê Thị C, Lê Hoàng M. bà Thu, ông M không còn con riêng hay con nuôi nào khác, cha mẹ bà Thu, ông M đã chết.

Bà T và ông M chung sống từ trước năm 1953 nên hôn nhân của Bà Tvà ông M là hợp hôn nhân hợp pháp. Tài sản là quyền sử dụng đất được hình thành trong thời kỳ hôn nhân do Bà Tđứng tên là tài sản chung của vợ chồng Bà Tvà ông Mão, mỗi người được hưởng ½ tài sản chung của vợ chồng... Phần di sản thực tế tại thời điểm các bên yêu cầu là thửa 162, tờ bản đồ số 06, diện tích sau khi đo đạc thực tế là 4.208m^2, loại đất lúa.

Ông M chết năm 2015, di sản ông để lại là ½ thửa đất 162 với diện tích 2.104m^2, ông M chết không để lại di chúc nên được chia theo pháp luật quy định tại Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015. Theo nhận định của bản án phúc thẩm thì mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng là 350.6m^2 và Ông Lê Ngọc T được nhận 350.5m^2 nhưng trong vụ án này ông T không có yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét chia thừa kế nên đã tạm giam cho ông M quản lý đối với phần diện tích 350.5m^2 của ông T . Bản án cũng đã giành quyền khởi kiện cho ông T đối với ông M phần thừa kế được hưởng trong vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[2.2] Ngày 18/12/2021, Ông Lê Ngọc T khởi kiện yêu cầu ông Lê Hchia thừa kế phần diện tích 350.5m^2 thuộc một phần thửa đất số 162, tờ bản đồ số 6, tại xã P , huyện C, tỉnh L (vị trí đất được ký hiệu là A theo Mảnh trích đo địa chính ngày 03/9/2020 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa lập. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ông T yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất nên Hội đồng xét xử chia cho ông T giá trị tương đương với diện tích 350.5m^2, đồng thời giao cho ông Lê H diện tích 350.5m^2 của Ông Lê Ngọc T nên ông M có trách nhiệm hoàn giá trị lại cho ông T .

[2.3] Ông Lê H không đồng ý với đơn giá 3.089.654đồng/m^2 mà ông đồng ý với đơn giá 2.744.215 đồng/m^2 theo Chứng thư thẩm định giá ngày 23/3/2021. Thời điểm định giá trước đây là ngày 23/3/2021. Thời điểm định giá hiện tại là 26/9/2022. Ý kiến của ông M không phù hợp vì đơn giá đất biến động theo quy luật thị trường. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào đơn giá đất mới theo chứng thư thẩm định giá ngày 26/9/2022 của Công ty cổ phần thẩm định giá và đầu tư bất động sản Thịnh Vượng để giải quyết vụ án. Theo chứng thư thẩm định giá ngày 26/9/2022 của Công ty cổ phần thẩm định giá và đầu tư bất động sản Thịnh Vượng giá trị đất là 3.089.654đồng/m^2. Như vậy kỷ phần của Ông Lê Ngọc T được hưởng giá trị thành tiền là 1.082.923.727 đồng.

[2.4] Ông Lê H đề nghị Tòa án khi chia di sản cho ông T với giá trị tương ứng với diện tích 350.5m^2 thuộc một phần thửa đất 162, tờ bản đồ số 6, loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã P , huyện C, tỉnh L với số tiền là 1.082.923.727 đồng, ông M đề nghị chia đôi, ông M và ông T, mỗi người hưởng ½ giá trị vì ông M có công thờ cúng cha mẹ sau khi chết và công sức quản lý phần diện tích đất nêu trên từ khi Tòa án giao đến thời điểm hiện nay. Hội đồng xét xử xét thấy việc thờ cúng cha mẹ sau khi chết đã được Bản án số 99/2021/DS-PT ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L giải quyết nên không xem xét. Riêng về công sức quản lý, ông Lê H đã thay mặt Ông Lê Ngọc T quản lý phần đất có diện tích 350.5m^2 từ thời điểm Tòa án có thẩm quyền tạm giao quản lý đến nay. Từ thời điểm được giao đến nay, ông Lê Hthừa nhận ông không có canh tác đối với phần đất tranh chấp nên không phát sinh hoa lợi, lợi tức. Do diện tích được giao quản lý không lớn và thời gian quản lý không lâu, nên Hội đồng xét xử xem xét trích 3% giá trị kỷ phần mà ông T được hưởng là 32.487.712 đồng. Sau khi khấu trừ số tiền quản lý công sức phần diện tích đất là 32.487.712 đồng, ông Lê Hcó trách nhiệm trả cho Ông Lê Ngọc T số tiền là 1.050.436.015 đồng.

[2.5] Chi phí định giá là 13.600.000 đồng, Ông Lê Ngọc T phải chịu và đã nộp đủ.

[3] Về án phí: Ông Lê Ngọc T phải chịu án phí nhưng thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 5 Điều 26, điểm a, c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 617, Điều 650, Điều 651, Điều 660; Điều 688 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Lê Ngọc T đối với ông Lê H liên quan đến thửa đất 162, tờ bản đồ số 6, loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã P , huyện C, tỉnh L .

Ông Lê Ngọc T được chia giá trị tương ứng với diện tích 350.5m^2 thuộc một phần thửa đất 162, tờ bản đồ số 6, loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã P , huyện C, tỉnh L với số tiền là 1.082.923.727 đồng. Sau khi khấu trừ số tiền quản lý công sức phần diện tích đất là 32.487.712 đồng, ông Lê Hcó trách nhiệm chia cho Ông Lê Ngọc T số tiền là 1.050.436.015 đồng.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Ông Lê H được quyền sử dụng diện tích 350.5m^2 một phần thửa đất 162, tờ bản đồ số 6, loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã P , huyện C, tỉnh L của Ông Lê Ngọc T (vị trí phần đất được ký hiệu là A của Mảnh trích đo địa chính ngày 03/9/2020 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa lập.

3. Chi phí định giá là 13.600.000 đồng, Ông Lê Ngọc T phải chịu và đã nộp đủ.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Ông Lê Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi.

5. Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L ;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Vân